

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN  
HẢI DƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

---

**Tháng 3 năm 2022**



**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 22

26  
CỔ  
TIỀN  
V  
NH

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Thắng Bình	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Đào Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Ông Đỗ Quang Mạnh	Thành viên (Từ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021)
Ông Trần Văn Sử	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc
Ông Đỗ Quang Mạnh	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021)
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Văn Dũng - chức vụ Giám đốc Công ty.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



---

**Đào Văn Dũng**  
**Giám đốc**

Hải Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Số: 115 /VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 22 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “Báo cáo tài chính riêng”).

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã trích dự phòng quỹ tiền lương năm 2022 với tỷ lệ 10% quỹ tiền lương thực hiện năm 2021, tương ứng giá trị 1.260.000.000 VND; Việc thực hiện trích lập dự phòng này là chưa phù hợp với quy định hiện hành của Chế độ Kế toán Việt Nam. Nếu ghi nhận theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 khoản mục “Phải trả người lao động” sẽ giảm với số tiền là 1.260.000.000 VND, đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ giảm và “Lợi nhuận kế toán trước thuế” sẽ tăng với số tiền tương ứng.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



---

**Chữ Mạnh Hoan**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022*

---

**Vũ Mạnh Hùng**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2018-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>15.197.807.975</b>	<b>20.463.431.963</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>7.601.292.365</b>	<b>8.982.438.279</b>
1. Tiền	111		2.601.292.365	4.982.438.279
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	4.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.091.628.380</b>	<b>5.173.794.710</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	4.281.363.750	6.264.555.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		60.000.000	96.273.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	1.500.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	126.658.400	304.205.600
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.876.393.770)	(1.491.239.100)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>1.819.150.373</b>	<b>6.307.198.974</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.819.150.373	6.307.198.974
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.685.736.857</b>	<b>-</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	1.685.736.857	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>51.343.681.823</b>	<b>48.757.993.551</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>24.033.268.306</b>	<b>17.872.906.195</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	11.000.000.000	4.100.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	6	13.033.268.306	13.772.906.195
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.835.808.087</b>	<b>5.438.809.856</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.835.808.087	4.654.871.239
- Nguyên giá	222		14.677.106.077	24.682.792.376
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.841.297.990)	(20.027.921.137)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	783.938.617
- Nguyên giá	228		-	23.966.917.664
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(23.182.979.047)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>25.387.277.500</b>	<b>25.446.277.500</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		27.132.277.500	27.132.277.500
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.745.000.000)	(1.686.000.000)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>13</b>	<b>87.327.930</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		87.327.930	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>66.541.489.798</b>	<b>69.221.425.514</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.989.056.929</b>	<b>20.667.874.319</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.345.289.929</b>	<b>18.594.106.946</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	322.055.339	1.325.064.590
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		53.797.000	53.797.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	188.132.258	1.790.794.344
4. Phải trả người lao động	314		1.637.619.000	2.275.278.100
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		207.969.743	981.221.231
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		57.946.523	103.531.473
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	200.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	15	8.650.849.400	11.597.606.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		226.920.666	266.814.208
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.643.767.000</b>	<b>2.073.767.373</b>
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	15	5.643.767.000	2.073.767.373
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>49.552.432.869</b>	<b>48.553.551.195</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>49.552.432.869</b>	<b>48.553.551.195</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.628.180.000	32.628.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.628.180.000	32.628.180.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.924.252.869	15.925.371.195
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.425.371.195	8.700.874.878
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.498.881.674	7.224.496.317
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>66.541.489.798</b>	<b>69.221.425.514</b>



Đào Văn Dũng  
Giám đốc  
Hải Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Hữu Khiêm  
Kế toán trưởng

Trần Thị Vân  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	19	55.492.128.900	75.229.473.733
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		55.492.128.900	75.229.473.733
4. Giá vốn hàng bán	11	20	43.933.533.195	60.420.509.400
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>11.558.595.705</b>	<b>14.808.964.333</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	980.182.765	755.581.406
7. Chi phí tài chính	22	22	69.068.493	2.099.750.177
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.068.493	413.750.177
8. Chi phí bán hàng	25	23	2.690.091.664	3.771.978.469
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	8.147.557.676	7.781.849.156
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>1.632.060.637</b>	<b>1.910.967.937</b>
11. Thu nhập khác	31	25	1.220.594.790	6.996.733.021
12. Chi phí khác	32	26	1.001.232.304	363.903.845
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>219.362.486</b>	<b>6.632.829.176</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.851.423.123</b>	<b>8.543.797.113</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	352.541.449	1.319.300.796
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>1.498.881.674</b>	<b>7.224.496.317</b>



Đào Văn Dũng  
 Giám đốc

Hải Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Hữu Khiêm  
 Kế toán trưởng

Trần Thị Vân  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1.851.423.123</b>	<b>8.543.797.113</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.238.572.496	2.996.829.915
- Các khoản dự phòng	03	1.594.313.404	1.687.963.523
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.500.179.387)	(1.131.106.687)
- Chi phí lãi vay	06	10.068.493	413.750.177
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>4.194.198.129</b>	<b>12.511.234.041</b>
- Giảm các khoản phải thu	09	1.935.415.898	5.474.274.562
- Giảm hàng tồn kho	10	4.451.214.551	4.434.297.779
- (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.941.239.177)	(8.483.506.733)
- Giảm chi phí trả trước	12	(87.327.930)	295.998.229
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.068.493)	(662.467.677)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.612.713.726)	(776.467.999)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(551.801.446)	(954.922.553)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.377.677.806</b>	<b>11.838.439.649</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.872.999.999	1.544.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.400.000.000)	(2.600.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	968.176.281	176.998.628
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(5.558.823.720)</b>	<b>(879.001.372)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	100.000.000	400.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(300.000.000)	(7.172.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(200.000.000)</b>	<b>(6.772.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.381.145.914)</b>	<b>4.187.438.277</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>8.982.438.279</b>	<b>4.795.000.002</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>7.601.292.365</b>	<b>8.982.438.279</b>



**Đào Văn Dũng**  
Giám đốc

Hải Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2022

**Nguyễn Hữu Khiêm**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Vân**  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng, được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trong đó Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương là công ty cổ phần, với cổ đông chính là Công ty Cổ phần Cơ Khí và Khoáng sản Hà Giang và các cổ đông cá nhân khác. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800282498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 12 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 41 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 144 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến đất sét;
- Khai thác tận thu, chế biến bauxit;
- Khai thác cát, đất, sỏi;
- Tận thu các loại khoáng sản đi kèm trong quá trình khai thác (nếu có);
- Sửa chữa cơ khí - điện;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty bao gồm Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương và công ty con - Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (thông tin chi tiết về Công ty con trình bày tại Thuyết minh số 12).

Cấu trúc Công ty mẹ bao gồm Văn phòng Công ty và các đội khai thác, chế biến đá.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Thông tin trên Báo cáo tài chính riêng có thể so sánh được.

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

*Đối với tài sản và nợ phải trả, Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản đầu tư tài chính**

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát, việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị văn phòng	05 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị các quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mà Công ty phải nộp, chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác và toàn bộ các chi phí liên quan khác để có được giấy phép khai thác khoáng sản.

Quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường được Công ty khấu hao căn cứ theo trữ lượng đã khai thác trên tổng trữ lượng được cấp phép khai thác.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí đã phát sinh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Quyền khai thác khoáng sản được Công ty phân bổ căn cứ theo trữ lượng đã khai thác trên tổng trữ lượng được cấp phép khai thác.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm:

- Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc: Lãnh đạo chủ chốt;
- Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên - Công ty con;
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang - Cổ đông chính.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	117.341.700	224.706.900
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.483.950.665	4.757.731.379
Tương đương tiền (i)	<u>5.000.000.000</u>	<u>4.000.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>7.601.292.365</u></b>	<b><u>8.982.438.279</u></b>

**Ghi chú:**

- (i) Tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Thạch với kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 3%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Hưng Hoà	769.797.000	1.066.691.350
Công ty TNHH MTV Sơn Nam	513.196.262	688.156.012
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Thành An	531.294.600	531.294.600
Các đối tượng khác	2.467.075.888	3.978.413.248
<b>Cộng</b>	<b><u>4.281.363.750</u></b>	<b><u>6.264.555.210</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>				
Lãi dự thu	126.658.400	-	304.205.600	-
	<b><u>126.658.400</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>304.205.600</u></b>	<b><u>-</u></b>
<i>Dài hạn</i>				
Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các mỏ	13.033.268.306	-	13.772.906.195	-
	<b><u>13.033.268.306</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>13.772.906.195</u></b>	<b><u>-</u></b>

**7. NỢ XẤU**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	-	305.471.000	-
Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	-	282.248.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Vinh	181.051.800	-	181.051.800	-
Công ty TNHH Ánh Dương	163.061.700	-	163.061.700	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Thành An	531.294.600	265.647.300	-	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Vận tải Đại Phú	188.020.500	-	218.020.500	65.406.150
Khách hàng khác	646.024.900	155.131.430	429.478.000	22.685.750
<b>Cộng</b>	<b><u>2.297.172.500</u></b>	<b><u>420.778.730</u></b>	<b><u>1.579.331.000</u></b>	<b><u>88.091.900</u></b>

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị dự phòng đã trích lập.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	300.644.126	-	432.096.101	-
Công cụ, dụng cụ	28.363.616	-	9.699.845	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	36.587.180	-
Thành phẩm	1.490.142.631	-	5.828.815.848	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.819.150.373</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>6.307.198.974</u></b>	<b><u>-</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.500.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (i)	1.500.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>4.100.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (ii)	11.000.000.000	4.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>

**Ghi chú:**

- (i) Phải thu về cho vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay vốn số 01-2019/HĐVV ngày 28 tháng 3 năm 2019 phản ánh khoản tiền cho Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên - Công ty con của Công ty vay để phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn cho vay là 3 năm, lãi suất 7%/năm.
- (ii) Phải thu về cho vay dài hạn phản ánh khoản tiền cho Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên - Công ty con của Công ty vay để phục vụ sản xuất kinh doanh theo các Hợp đồng vay vốn số 01-2020/HĐVV ngày 30 tháng 3 năm 2020 với thời hạn cho vay là 03 năm, lãi suất 7%/năm và Hợp đồng vay vốn số 01-2021/HĐVV ngày 02 tháng 4 năm 2021 với thời hạn cho vay là 05 năm, lãi suất 4%/năm.

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải thu/nộp trong năm	Số thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	672.496.722	672.496.722
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	8.341.250	8.341.250
Tiền thuê đất	-	-	1.004.898.885	1.004.898.885
<b>Cộng</b>	-	-	<b>1.685.736.857</b>	<b>1.685.736.857</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	337.141.125	3.711.325.054	3.983.497.976	64.968.203
Thuế thu nhập doanh nghiệp	587.675.555	352.541.449	940.217.004	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.714.900	25.837.750	30.552.650	-
Thuế tài nguyên	580.840.314	3.544.336.730	4.043.491.789	81.685.255
Phí bảo vệ môi trường	280.422.450	2.082.705.350	2.321.649.000	41.478.800
Tiền thuê đất	-	2.813.564.026	2.813.564.026	-
Thuế khác	-	173.332.641	173.332.641	-
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	471.016.400	471.016.400	-
<b>Cộng</b>	<b>1.790.794.344</b>	<b>13.174.659.400</b>	<b>14.777.321.486</b>	<b>188.132.258</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	7.931.135.367	15.124.595.958	1.366.958.655	260.102.396	24.682.792.376
Thanh lý, nhượng bán	(1.547.629.361)	(8.105.542.542)	(171.902.000)	(180.612.396)	(10.005.686.299)
Số dư cuối năm	6.383.506.006	7.019.053.416	1.195.056.655	79.490.000	14.677.106.077
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	7.155.068.246	11.360.750.164	1.252.000.331	260.102.396	20.027.921.137
Khấu hao trong năm	149.183.874	1.274.822.393	42.053.508	-	1.466.059.775
Thanh lý, nhượng bán	(1.527.554.761)	(6.772.613.765)	(171.902.000)	(180.612.396)	(8.652.682.922)
Số dư cuối năm	5.776.697.359	5.862.958.792	1.122.151.839	79.490.000	12.841.297.990
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu năm	776.067.121	3.763.845.794	114.958.324	-	4.654.871.239
Số dư cuối năm	606.808.647	1.156.094.624	72.904.816	-	1.835.808.087

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 7.328.842.451 VND (Tại ngày 30 tháng 12 năm 2020 là 11.284.723.191 VND).

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty CP Đức Chung Thái Nguyên	27.132.277.500	1.745.000.000	(*)	27.132.277.500	1.686.000.000	(*)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	Thái Nguyên	99,99%	99,99%	Khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng

**Tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên**

Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 460132413 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 12 năm 2016 và thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp, vốn điều lệ là 12.060.000.000 VND. Hoạt động chính của Công ty là khai thác đá và chế biến đá vật liệu xây dựng thông thường. Công ty con bắt đầu sản xuất khai thác từ năm 2021. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 của Công ty con là (63.459.301) VND, Lỗ sau thuế chưa phân phối của Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là (1.749.991.816) VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>	<b>87.327.930</b>	-
- Chi phí tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	87.327.930	-

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phú Thịnh	55.946.459	55.946.459	574.116.700	574.116.700
Hợp tác xã thương mại Quyết Tiến	109.017.880	109.017.880	172.983.260	172.983.260
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh	140.085.000	140.085.000	-	-
Các đối tượng khác	17.006.000	17.006.000	577.964.630	577.964.630
<b>Cộng</b>	<b>322.055.339</b>	<b>322.055.339</b>	<b>1.325.064.590</b>	<b>1.325.064.590</b>

**15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.650.849.400</b>	<b>11.597.606.000</b>
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	8.650.849.400	11.597.606.000
<b>Dài hạn</b>	<b>5.643.767.000</b>	<b>2.073.767.373</b>
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	5.643.767.000	2.073.767.373
<b>Cộng</b>	<b>14.294.616.400</b>	<b>13.671.373.373</b>

Ghi chú:

- (i) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt.

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*a) Biến động của vốn chủ sở hữu trong năm*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2020</b>	<b>32.628.180.000</b>	<b>22.342.500</b>	<b>9.278.532.378</b>	<b>41.929.054.878</b>
Chuyển nguồn vốn	-	(22.342.500)	22.342.500	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	7.224.496.317	7.224.496.317
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>32.628.180.000</b>	-	<b>15.925.371.195</b>	<b>48.553.551.195</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.498.881.674	1.498.881.674
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>32.628.180.000</b>	-	<b>16.924.252.869</b>	<b>49.552.432.869</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**Ghi chú:**

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 27 tháng 04 năm 2021 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với số tiền là 500.000.000 VND.

**b) Số lượng cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.262.818	3.262.818
Cổ phiếu phổ thông	3.262.818	3.262.818
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.262.818	3.262.818
Cổ phiếu phổ thông	3.262.818	3.262.818
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**c) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 12 năm 2019), vốn điều lệ của Công ty là 32.628.180.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	11.649.190.000	35,70	11.649.190.000	35,70
Ông Đào Văn Dũng	416.000.000	1,27	1.316.500.000	4,03
Ông Đoàn Văn Cường	244.490.000	0,75	244.490.000	0,75
Các cổ đông khác	20.318.500.000	62,27	19.418.000.000	59,51
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.628.180.000</b>	<b>100</b>	<b>32.628.180.000</b>	<b>100</b>

**17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Nợ khó đòi đã xử lý**

Các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý:

Đối tượng	Số tiền (VND)	Thời điểm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Công trình Giao thông 86	621.898.570	Tháng 01/2013	Bán nợ cho Công ty mua bán nợ
Đối tượng nhỏ lẻ khác	80.928.809	Tháng 11/2015	Xóa sổ theo Quyết định của Hội đồng Quản trị

**18. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng doanh thu rất nhỏ. Theo đó Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán; Toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo hoạt động kinh doanh riêng đều liên quan đến hoạt động khai thác, chế biến đá nêu trên.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán đá thô	4.828.419.000	9.044.646.959
Doanh thu bán đá chế biến	50.663.709.900	66.138.249.274
Doanh thu bán cát nghiền	-	46.577.500
<b>Cộng</b>	<b>55.492.128.900</b>	<b>75.229.473.733</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn đá thô	3.996.275.022	6.272.654.551
Giá vốn đá chế biến	39.937.258.173	54.021.552.271
Giá vốn cát nghiền	-	126.302.578
<b>Cộng</b>	<b>43.933.533.195</b>	<b>60.420.509.400</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	980.182.765	755.581.406
<b>Cộng</b>	<b>980.182.765</b>	<b>755.581.406</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.068.493	413.750.177
Trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con	59.000.000	1.686.000.000
<b>Cộng</b>	<b>69.068.493</b>	<b>2.099.750.177</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí thuê máy móc, thiết bị, vận chuyển bốc xếp	2.690.091.664	3.771.978.469
<b>Cộng</b>	<b>2.690.091.664</b>	<b>3.771.978.469</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	3.305.033.935	4.741.098.203
Chi phí khấu hao TSCĐ	80.158.737	147.598.868
Thuế, phí và lệ phí	320.760.455	351.778.855
Chi phí dự phòng	-	72.199.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.042.145.798	227.233.943
Chi phí bằng tiền khác	2.399.458.751	2.241.940.137
<b>Cộng</b>	<b>8.147.557.676</b>	<b>7.781.849.156</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.522.342.934	9.326.668.951
Chi phí nhân công	14.806.612.235	22.201.740.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.238.572.496	2.996.829.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.324.130.114	18.025.651.395
Chi phí khác bằng tiền	14.504.264.359	15.013.070.876
<b>Cộng</b>	<b>50.395.922.138</b>	<b>67.563.961.659</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hoàn nhập dự phòng chi phí hoàn nguyên	580.699.666	-
Điều chỉnh giảm tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	6.281.006.639
Thu từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	519.996.622	396.125.219
Thu nhập khác	119.898.502	319.601.163
<b>Cộng</b>	<b>1.220.594.790</b>	<b>6.996.733.021</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Truy thu tiền cấp quyền khai thác	337.042.700	-
Tiền bị phạt	170.332.641	175.980.000
Phí sử dụng số liệu, thông tin về kết quả đánh giá thăm dò khoáng sản	443.856.893	-
Thu nhập khác	50.000.070	187.923.845
<b>Cộng</b>	<b>1.001.232.304</b>	<b>363.903.845</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lợi nhuận trước thuế	1.851.423.123	8.543.797.113
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ (i)	444.332.941	879.780.000
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>2.295.756.064</b>	<b>9.423.577.113</b>
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	459.151.213	1.884.715.423
Truy thu thuế TNDN các năm trước	31.135.600	
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trừ (ii)	137.745.364	565.414.627
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>352.541.449</b>	<b>1.319.300.796</b>

**Ghi chú:**

- (i) Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận cho mục đích tính thuế không có sự khác biệt so với lợi nhuận kế toán. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan Thuế có thẩm quyền.
- (ii) Công ty đang tự xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong năm là 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **28. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Theo quy định tại Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn, Công ty có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi môi trường cho toàn bộ quá trình thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Các đề án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt (Thuyết minh số 15). Theo đó, hàng năm Công ty phải ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường vào tài khoản ngân hàng do Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Hải Dương chỉ định.

### **29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 126.658.400 VND, là số tiền lãi dự thu trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.

### **30. THÔNG TIN KHÁC**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, sản lượng còn được khai thác tại các mỏ đang hoạt động theo các giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty là 50.000 m<sup>3</sup>. Công ty đang tìm kiếm các biện pháp bao gồm: Xin cấp phép gia hạn các giấy phép khai thác, cấp phép khai thác mỏ Áng Bát với trữ lượng 200.000 m<sup>3</sup>, thời gian khai thác khoáng 02 năm để đảm bảo cho hoạt động từ năm 2022 trở đi. Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa có quyết định gia hạn mỏ và trữ lượng khai thác của các mỏ vào năm 2022.

### **31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.



**Đào Văn Dũng**  
Giám đốc

Hải Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2022

**Nguyễn Hữu Khiêm**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Vân**  
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN  
KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/ CV-KHD

V/v: Giải trình ý kiến ngoại trừ  
trên Báo cáo kiểm toán BCTC riêng năm 2021.

Hải Dương, ngày 23 tháng 03 năm 2022

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội(HNX)

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương giải trình về ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH kiểm toán VACO trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 như sau:

• **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã trích dự phòng quỹ tiền lương năm 2022 với tỷ lệ 10% quỹ tiền lương thực hiện năm 2021, tương ứng với giá trị 1.260.000.000 VND; Việc thực hiện trích lập dự phòng này là chưa phù hợp với quy định hiện hành của Chế độ kế toán Việt Nam. Nếu ghi nhận theo Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 khoản mục "Phải trả người lao động" sẽ giảm với số tiền là 1.260.000.000 VND, đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ giảm và "Lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ tăng với số tiền tương ứng.

• **Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

• **Giải trình của Công ty**

Theo đánh giá của Công ty các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 bị sụt giảm nghiêm trọng so với thực hiện năm 2021, doanh thu năm 2022 ước bằng khoảng 13% so với thực hiện năm 2021. Nguyên nhân là do hầu hết các mỏ khoáng sản đã khai thác hết trữ lượng, phải thực hiện công tác cải tạo phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ theo quy định của Luật khoáng sản.



Hiện nay công ty phải duy trì một lực lượng lao động để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, ngoài ra phải thực hiện công tác cải tạo phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ và công tác quản lý khác.

Theo đánh giá của Công ty, quỹ lương theo doanh thu năm 2022 sẽ không đủ đảm bảo việc trả lương cho lực lượng lao động này. Để giúp cho người lao động không bị biến động lớn về thu nhập trong năm 2022, Công ty thực hiện trích lập dự phòng quỹ lương để bổ sung vào quỹ lương năm 2022 với số tiền là 1,26 tỷ đồng. Số tiền này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021.

Việc trích lập dự phòng tiền lương được thực hiện căn cứ vào quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 Hướng dẫn về Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã giải trình.

Trân trọng báo cáo!

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- SGDCCKHN;
- Website;
- Lưu VT, HĐQT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

